TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **34**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07 - 5 - 2021
"*V/v ly hôn giữa anh T và chị Đ"*

NHÂNDANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Huy Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Diễn và bà Nguyễn Thị Huề.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Gien Ny - Thư ký Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:376/2020/TLST - HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020về việc "Ly hôn"theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021; Quyết Đ hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 23tháng 4 năm 2021giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Anh Vũ Văn T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình.

(anh T có đơn xin xử vắng mặt, vắng mặt chị Đ không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Vũ Văn T đã trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969. Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình vào năm 1989. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp. Anh T và chị Đ đã sống ly thân, kể từ năm 2008 cho đến nay. Hiện nay tình trạng hôn nhân đã trầm trọng

không có khả năng đoàn tụ,anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ

*Về con chung:*Anh và chị Đ có 02 con chung là Vũ Văn N, sinh năm 1990 và Vũ Văn K, sinh năm 1994. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành tự lập về kinh tế cho nên không đặt ra nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi con;

*Về tài sản chung nợ chung:*Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị Đ trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ đã cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành xác minh với Ủy ban nhân dân xã A, Trưởng Thôn T và ông Nguyễn Văn Đích là anh trai của chị Đ thể hiện:

Về hôn nhân: Anh Vũ Văn T, sinh năm 1969 và chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1969 cùng chỉ: Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình vào năm 1989. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng hơn 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Hiện anh T và chị Đ đã sống ly thân mỗi người một nơi. Vợ chồng không còn tình cảm nên anh T đề nghị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình giải quyết cho anh được ly hôn chị Đ. Chị Đ biết việc anh T khởi kiện xin ly hôn nhưng không đến Tòa án để làm việc.*Về con chung:*Anh T và chị Đ có 02 con chung là Vũ Văn N, sinh năm 1990 và Vũ Văn K, sinh năm 1994. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành.*Về tài sản chung nợ chung:*Cơ sở xã và ông Đích không biết. Ngoài ra ông Đích cung cấp thêm thông tin *"Chị Đ đã biết việc anh T khởi kiện ly hôn và thông qua trao đổi điện thoại chị Đ cũng đồng ý ly hôn với anh T vì tình cảm vợ chồng không còn và đã biết Tòa án thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng do công việc cho nên chị Đ không về Tòa án để giải quyết và cũng không cung cấp địa chỉ mới".*

- Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, hội đồng xét xử đã cơ bản tuân theo đúng quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng là chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình

giải quyết theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra nguyên đơn phải nộp án phí theo quy Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện P nhận Đ:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn chị Đ có hộ khẩu Thôn T, xã A, huyện P, tỉnh Thái Bình. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình. Ngày 23 tháng 4 năm 2021 Tòa án đã tiến hành xét xử nhưng vắng mặt chị Đ cho nên Tòa án đã quyết Đ hoãn phiên tòa. Ngày 04 tháng 5 năm 2021 anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ vào điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân của các đương sự, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Anh T và chị Đ tự nguyện tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P vào năm 1989. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, trong quá trình chung sống không còn tình cảm vợ chồng. Anh T, chị Đ đã sống ly thân kể từ năm 2008 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Anh T xác Đ tình cảm vợ chồng không còn, mẫu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng đoàn tụ gia đình cùng muốn ly hôn. Chị Đ đã biết việc anh T làm đơn khởi kiện ly hôn nhưng chị Đ cố tình giấu địa chỉ và không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Do đó có căn cứ cho ly hôn giữa anh T và chị Đ theo Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

[3] *Về nuôi con chung*: Anh T và chị Đ có 02 con chung là Vũ Văn N, sinh năm 1990 và Vũ Văn K, sinh năm 1994. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành cho nên không đặt ra nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về chia tài sản*: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Đ luôn vắng mặt chưa có yêu cầu gì cho nên Hội đồng xét xử chưa giải quyết.

[5] *Về án phí*: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh T, chị Đ có quyền kháng cáo theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228và Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Vũ Văn T và chị Nguyễn Thị Đ

2.Về con chung: Anh T và chị Đ có 02 con chung là Vũ Văn N, sinh năm 1990 và Vũ Văn K, sinh năm 1994. Hiện nay 02 con chung đã trưởng thành cho nên không đặt ra nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản:Chưa giải quyết.

4. Về án phí: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng. Anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004673 ngày 31/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Bình (anh T đã nộp đủ).

5. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Thái Bình
-VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS H. Quỳnh Phụ;
- UBND xã A, H. Quỳnh Phụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng
(Đã ký)